

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 01 - 2025

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Hoa

2. Bà Hoàng Thị Hường.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Văn Hòa, Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:** Bà Trần Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại: trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 534/2024/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 506/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1998; địa chỉ: K, phường N, thị xã C (nay là thành phố V), tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: K, phường N, thị xã C (nay là thành phố V), tỉnh Nghệ An; hiện đang làm việc và cư trú tại: Malaysia (không rõ địa chỉ). Vắng mặt (lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong “Đơn khởi kiện” đề ngày 05/11/2024, Bản tự khai ngày 22/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc T

trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc L kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 25/5/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh L thường xuyên đi làm ăn xa nhà, vợ chồng sống xa cách, bất đồng với nhau về quan điểm sống, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, anh L không quan tâm đến vợ con. Tháng 12/2023 anh L đi xuất khẩu lao động tại Malaysia, thời gian đầu sang Malaysia vợ chồng thỉnh thoảng mới liên lạc với nhau, tuy nhiên sau này do xa cách nên vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Hiện nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L. Tuy nhiên, do vợ chồng không liên lạc gì với nhau nên chị Phan Thị Ngọc T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Nguyễn Ngọc L tại Malaysia mà chỉ biết anh L vẫn thường xuyên liên lạc về với bố đẻ là ông Nguyễn Ngọc L1, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: K, phường N, thị xã C (nay là thành phố V), tỉnh Nghệ An và ông L1 biết địa chỉ cụ thể của anh L ở Malaysia nên đề nghị Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Ngọc L có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 17/03/2023. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu V cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Ngọc L vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Theo kết quả xác minh tại Công văn số 4867/QLXNC-Đ1 ngày 13/11/2024 của Phòng Q, Công an tỉnh N thì: “Anh Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 10/10/1997 đã xuất cảnh ngày 06/12/2023 qua cửa khẩu S, chưa có thông tin nhập cảnh”. Vì vậy, sau khi thụ lý, Tòa án đã gửi, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Công văn đề nghị cung cấp thông tin, địa chỉ của anh L ở nước ngoài; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa ... nhưng anh L vẫn không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến để giải quyết nên vụ án không tiến hành hoà giải được.

Tại đơn trình bày ngày 29/11/2024 ông Nguyễn Ngọc L1 trình bày: Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1997, là bị đơn trong vụ án ly hôn với nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc T. Con trai ông hiện nay đang lao động tại Malaysia. Anh L vẫn thường xuyên liên lạc về với ông thông qua ứng dụng mạng

xã hội Facebook. Ông có hỏi địa chỉ của anh L ở Malaysia, nhưng anh L không cung cấp cho ông nên ông không thể cung cấp cho Tòa án. Ông đã thông báo cho anh L về việc chị Phan Thị Ngọc T khởi kiện ly hôn với anh L tại Tòa án, thông qua ông thì anh L đồng ý ly hôn với chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định... Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt là không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 122, 123 và 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý cho chị Phan Thị Ngọc T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc L.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 17/3/2023 cho chị Phan Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L do chị T chưa có yêu cầu.

+ Về tài sản, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 22/11/2024, chị Phan Thị Ngọc T có đơn khởi kiện gửi tới Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp

về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì chị T và anh L đều có nơi thường trú tại khối B, phường N, thị xã C (nay là thành phố V), tỉnh Nghệ An nhưng từ khoảng năm 2023 thì anh L đã đi xuất khẩu lao động ở Malaysia đến nay chưa về nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, 123 và 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Nguyễn Ngọc L là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Anh Nguyễn Ngọc L, hiện nay vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại khối B, phường N, thị xã C (nay là thành phố V), tỉnh Nghệ An nhưng đã xuất khẩu lao động tại Malaysia từ năm 2023, không có mặt tại địa phương mà không thông báo địa chỉ nơi cư trú hiện nay. Tòa án đã có công văn yêu cầu cung cấp địa chỉ anh L ở nước ngoài nhưng theo ông Nguyễn Ngọc L1 (bố đẻ anh L) thì anh L tuy vẫn có liên hệ với gia đình và đã biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Ngọc T nhưng vẫn không cung cấp địa chỉ cụ thể, không gửi lời khai về nên ông L1 không có để cung cấp cho Tòa án. Do đó, cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Ngọc L.

[2]. Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc T:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Phan Thị Ngọc T và anh Nguyễn Ngọc L được xác lập trên cơ sở do hai người tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận và có với nhau một người con chung nhưng hạnh phúc gia đình không xây dựng được lâu dài do hai anh chị có nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng từ năm 2023 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm, liên lạc gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh L lại không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không cung cấp được chứng cứ gì về phương án khắc phục tình trạng vợ chồng. Hội đồng xét thấy, thời gian vợ chồng chung sống với nhau là không dài nhưng đã ly thân một thời gian mà cả hai bên đương sự đều không có giải pháp gì để đoàn tụ, nguyên đơn chị T cũng kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị T yêu cầu giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị T trình bày: Vợ chồng chị T, anh L có một con chung là Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 17/03/2023. Nay ly hôn, chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu cấp dưỡng. Hội đồng xét thấy: Theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì việc nuôi con chung chưa thành niên sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của bố mẹ; yêu cầu được nuôi con của chị T là hoàn toàn chính đáng, cháu V lại đang còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, từ khi sinh ra đến nay cháu đã ở với chị T, được chăm sóc, phát triển hoàn toàn khỏe mạnh, bình thường. Mặt khác, anh L hiện nay đang ở nước ngoài, ông L1 (bố đẻ anh L) không cung cấp được địa chỉ cụ thể nơi cư trú của anh L tại nước ngoài nên cần giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình là phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con và điều kiện hoàn cảnh của các bên. Chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án chưa xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh L cũng chưa có ý kiến gì nên Tòa án chưa có cơ sở xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Chị Phan Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 469, Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 17/03/2023 cho chị Phan Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phan Thị Ngọc T không yêu cầu và anh Nguyễn Ngọc L cũng chưa có ý kiến nên Tòa án chưa xem xét.

Anh Nguyễn Ngọc L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Nguyễn Ngọc L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Chị Phan Thị Ngọc T không yêu cầu và anh Nguyễn Ngọc L cũng chưa có ý kiến gì nên Tòa án không giải quyết. Dành quyền khởi kiện liên quan đến chia tài sản chung, nợ chung cho các đương sự trong một vụ án dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

4. *Về án phí:* Chị Phan Thị Ngọc T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0013526 ngày 19/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn như sau: Chị Phan Thị Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Ngọc L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Hương Long, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 25/5/2022);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Nga